

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2014

Tháng 10 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	799	835	36	12.650	455.400	
102	8	458	470	12	12.650	151.800	
103	8	526	543	17	12.650	215.050	
104	8	336	349	13	12.650	164.450	
105	Phòng trực	305	382	77	12.650	974.050	
106	8	559	584	25	12.650	316.250	
107	PSHC	48	638		12.650	0	
108				0	12.650	0	
109	8	387	398	11	12.650	139.150	
110	8	408	416	8	12.650	101.200	
111	8	485	506	21	12.650	265.650	
112	8	365	375	10	12.650	126.500	
113	8	329	346	17	12.650	215.050	
114	8	240	257	17	12.650	215.050	
201	8	825	853	28	12.650	354.200	
202	8	785	806	21	12.650	265.650	
203	8	719	731	12	12.650	151.800	
204	8	618	631	13	12.650	164.450	
205	8	559	576	17	12.650	215.050	
206	8	575	594	19	12.650	240.350	
207	8	537	553	16	12.650	202.400	
208	8	577	592	15	12.650	189.750	
209	8	443	463	20	12.650	253.000	
210	8	410	419	9	12.650	113.850	
211	8	449	470	21	12.650	265.650	
212	8	418	433	15	12.650	189.750	
213	8	528	545	17	12.650	215.050	
214	8	568	583	15	12.650	189.750	
301	8	504	527	23	12.650	290.950	
302	8	471	484	13	12.650	164.450	
303	8	425	431	6	12.650	75.900	
304	8	470	485	15	12.650	189.750	
305	8	414	432	18	12.650	227.700	
306	8	426	445	19	12.650	240.350	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	440	450	10	12.650	126.500	
310	8	396	414	18	12.650	227.700	

311	8	387	401	14	12.650	177.100	
312	8	517	524	7	12.650	88.550	
313	8	437	456	19	12.650	240.350	
314	8	423	438	15	12.650	189.750	
401	8	478	489	11	12.650	139.150	
402	8	333	346	13	12.650	164.450	
403	8	347	358	11	12.650	139.150	
404	8	289	299	10	12.650	126.500	
405	8	277	285	8	12.650	101.200	
406	8	323	335	12	12.650	151.800	
407	8	357	375	18	12.650	227.700	
408	8	517	535	18	12.650	227.700	
409	8	248	271	23	12.650	290.950	
410	8	448	463	15	12.650	189.750	
411	8	348	356	8	12.650	101.200	
412	8	322	338	16	12.650	202.400	
413	8	359	373	14	12.650	177.100	
414	8	426	435	9	12.650	113.850	
501	8	222	234	12	12.650	151.800	
502	8	319	330	11	12.650	139.150	
503	8	430	440	10	12.650	126.500	
504	8	368	375	7	12.650	88.550	
505	8	342	356	14	12.650	177.100	
506	8	269	275	6	12.650	75.900	
507	8	352	367	15	12.650	189.750	
508	8	316	329	13	12.650	164.450	
509	8	265	281	16	12.650	202.400	
510	8	309	318	9	12.650	113.850	
511	8	143	153	10	12.650	126.500	
512	8	283	290	7	12.650	88.550	
513	8	246	253	7	12.650	88.550	
514	8	169	177	8	12.650	101.200	
Cộng	520			1.010		12.776.500	

(Bằng chữ: Mười một triệu tám trăm linh hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà